

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **441/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/8/2022

V/v tranh chấp “Xin thay đổi người nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn B Phong.

2. Bà Lê Thị Ngọc Ánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Huỳnh B Tân- KSV.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 202/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp “Thay đổi người nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022 giữa các đương G:

*** Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1989 (có mặt);

Địa chỉ: 128/7 ấp T, xã Y, huyện Z, tỉnh Long An

*** Bị đơn:** Chị Võ Thị Mộng C, sinh năm 1996 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp V, xã S, huyện A, Tiền Giang.

Tạm trú: ấp O, xã N, huyện A, Tiền Giang.

*** Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:**

Cháu Nguyễn Thị Thanh D, sinh năm 2013 (có mặt).

Địa chỉ: ấp O, xã N, huyện A, Tiền Giang.

*** Người làm chứng:**

1/ Bà Phạm Thị Hồng E, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp O, xã N, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

2/ Bà Đặng Thị F, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: ấp O, xã N, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

3/ Bà Trần Thị G, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: ấp O, xã N, huyện A, Tiền Giang.

4/ Bà Trần Thị L, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã S, huyện A, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn anh Nguyễn Văn B trình bày: Theo Quyết định thuận tình ly hôn và G thỏa thuận của các đương G số 143/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/09/2019 của Tòa án huyện Châu Thành, tỉnh Long An thì 02 con chung là Nguyễn Thị B D sinh ngày 24/09/2013 và Nguyễn Thành Q sinh ngày 14/4/2019 giao cho chị Võ Thị Mộng C nuôi dưỡng và anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Sau khi ly hôn anh B được biết chị C không trực tiếp nuôi con chung mà giao cho người khác chăm sóc nuôi dưỡng. Anh B cho rằng chị C không trực tiếp nuôi con sẽ ảnh hưởng đến G phát triển của 02 con. Vì vậy anh B khởi kiện yêu cầu thay đổi người nuôi con để anh B được trực tiếp nuôi 02 con, để đảm bảo G phát triển về tinh thần và thể chất. Anh B không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

* Bị đơn là chị Võ Thị Mộng C trình bày: Chị C không đồng ý thay đổi quyền nuôi con. Cháu D và cháu Q được chị C nuôi từ lúc ly hôn cho đến nay đều phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần. Từ ngày ly hôn cho đến nay anh B không lo và phụ nuôi con, chị phải đi làm để nuôi 02 con nên chị có nhờ ông X, bà F (cậu mợ chị C) và chị E (chị hàng xóm gần nhà) chăm sóc cho 02 con. Một tuần chị sẽ về thăm con từ 01 đến 02 lần và gửi tiền lo đầy đủ để nuôi 02 con. Do đó anh B yêu cầu được nuôi 02 con chị C không đồng ý.

* Người làm chứng bà Đặng Thị F trình bày: Bà là mợ của chị C, ông X là cậu ruột của chị C. Ông bà là người đang trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thành Q. Hiện tại chị C đang nuôi cháu Q rất tốt, mặc dù chị C không trực tiếp nuôi cháu Q nhưng chị C đều lo chi phí nuôi cháu Q phát triển tốt không thiếu thứ gì. Chị C vẫn về thăm cháu Q hàng tuần. Anh B không thăm nom chăm sóc cháu Q từ 01 tuổi cho đến nay. Bà không đồng ý giao anh B nuôi cháu Q.

* Người làm chứng bà Phạm Thị Ngọc E: Bà là chị hàng xóm với chị C, bà hiện tại đang trực tiếp nuôi cháu D từ 04 tháng nay. Chị C có trả cho bà 2.000.000 đồng/tháng để chăm cháu D. Hàng tuần chị C có về thăm cháu D và gửi chi phí nuôi cháu D. Hiện tại cháu D đang được bà và chị C chăm lo rất tốt. Anh B có yêu cầu nuôi cháu D bà không có ý kiến, để cha mẹ cháu quyết định.

* Người làm chứng bà Trần Thị G trình bày: Bà là dì ruột thứ 9 của chị C. Từ lúc C ly hôn thì đem 02 con về nhà mẹ ruột ở. Nhà mẹ ruột của C cất trên đất của bà gần sát nhà bà. Lúc đó cháu D ở nhà với bà ngoại và cậu mợ 8 là ông X, bà F. Ban ngày thì cháu Q gọi cho cậu mợ 8, tối rước về do ban ngày bà ngoại đi làm nên không ai chăm sóc. Khoảng 04 tháng nay bà ngoại cháu D có gia đình khác nên không ở chung nữa nên gọi cháu D cho bà E ở gần đó nuôi, cháu Q giao cho cậu mợ 8 nuôi và không có rước về

như trước. C có lo tiền nuôi con hay không thì bà không biết nhưng khoảng 02 tuần đến 01 tháng mới về, về mấy tiếng rồi đi chứ không ở lại lâu. Cha của cháu Q, cháu D qua thăm thì C nói không cho gặp kêu đóng cửa, mỗi lần thăm có cho tiền nhưng không nhiều, cha cháu đưa tiền cho cháu D, cháu D đưa cho bà ngoại cháu.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn B vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện chị Võ Thị Mộng C, yêu cầu được nuôi 02 con chung là Nguyễn Thị B D sinh ngày 24/09/2013 và Nguyễn Thành Q, sinh ngày 14/4/2019 vì hiện nay chị không trực tiếp nuôi hai con mà gởi người khác chăm sóc nuôi dưỡng, không trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hiện nay anh lao động tại nhà, đang sinh sống với cha mẹ ruột, anh có đủ điều kiện để chăm lo, nuôi dưỡng hai con chung.

Chị Võ Thị Mộng C trình bày: Từ khi ly hôn một mình chị chăm sóc con, anh B và gia đình bên nội không quan tâm, không nuôi dưỡng. Do chị phải đi làm xa, làm nhiều công việc nên chị không trực tiếp chăm sóc con chung nhưng chị vẫn gởi tiền đầy đủ, hàng tuần về thăm con, chị không đồng ý giao 02 con chung cho anh B.

Bà Đặng Thị F trình bày: Từ khi cháu C ly hôn với B, C đem hai con chung về bên mẹ ruột nuôi dưỡng, có bà Trần Thị L (bà ngoại trông giúp cháu D), tuy nhiên do bà L đi làm nên không chăm lo được cháu, cháu Q do bà nuôi dưỡng từ khi 03 tháng tuổi, anh B không quan tâm, không phụ nuôi, chỉ qua thăm được 1-2 lần rồi bỏ luôn. Bà chăm sóc cháu Q đến nay hơn 03 tuổi, cháu C đi làm xa nhưng vẫn gởi tiền cho con là cháu Q đầy đủ không thiếu thứ gì.

Bà Trần Thị G trình bày: Bà là chị ruột của bà L, dì của chị C. Bà cho bà L, cháu C cất nhà trên đất của bà và hai nhà gần nhau. Khi ly hôn, chị C ôm hai con về ở tại đây có bà ngoại trông nom cháu D, bà F nuôi dưỡng cháu Q, riêng cháu C thì đi làm ở đâu không rõ. Anh B có đến thăm con nhưng chị C nói “không cho thăm cháu Q, anh B tới thì đóng cửa”, riêng cháu D thì anh B có đến thăm cho tiền nhưng không nhiều, anh B đưa tiền cháu D, cháu D đưa cho bà ngoại. Từ ngày bà ngoại có gia đình khác không ai chăm sóc nuôi dưỡng cháu D, chị C gởi cháu D cho chị E (người hàng xóm) nuôi dưỡng và nay khoảng gần 03 tháng thì chị E không nhận giữ, chăm sóc cháu D nữa mà cháu tự sinh hoạt, tự ăn uống, tự giặt giũ và học tập và tối về ngủ tại nhà với người cậu ruột sinh năm 2002 (em ruột chị C).

Bà Trần Thị L trình bày: Khi C ly hôn thì đem hai con về bà phụ chăm sóc nuôi dưỡng, anh B và gia đình bên nội không thương, bỏ mặc các cháu, không quan tâm phụ nuôi. Do bà đi làm nên không chăm sóc cháu được nhưng vài ngày bà vẫn về thăm cháu. Bà không đồng ý giao 02 cháu ngoại cho anh B nuôi dưỡng.

* Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phát biểu: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và các người làm chứng: Về điều kiện kinh tế, hiện chị C đi làm và đảm bảo điều kiện kinh tế chu cấp hàng tháng để nuôi con. Anh B hiện đang trồng B long tại nhà và đang cho thuê đất, đảm bảo thu nhập hàng tháng ổn định. Như vậy, cả hai anh chị đều có điều kiện về kinh tế để nuôi con, tuy nhiên hiện chị C đi làm không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung mà giao con chung cho người khác chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh B hiện trồng B long tại nhà, sống cùng ông bà nội của các cháu. Như vậy, chị C không đảm bảo điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con, trong khi anh B hoàn toàn đảm bảo đủ điều kiện. Việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên là quyền đồng thời cũng là nghĩa vụ của cha mẹ, chị C hiện không thực hiện tốt nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con, mặc dù quyết định tuyên chị C là người có quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D và cháu Q khi anh B và chị C ly hôn.

Tuy cháu D và cháu Q vẫn phát triển tốt nhưng hai cháu còn ở độ tuổi nhỏ, là giai đoạn rất cần G quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục thường xuyên của cha mẹ. Hiện cháu Q do gia đình khác chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu D phải tự chăm sóc, sinh hoạt hàng ngày là chưa đảm bảo tốt nhất về G phát triển của cháu. Cháu Q hiện khoảng 03 tuổi, G quan tâm chăm sóc, giáo dục con trong giai đoạn này là vô cùng quan trọng và cần thiết, chị C lại không chăm sóc được con, anh B có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con là hợp lý. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn, giao con chung là cháu D và cháu Q cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, không cấp dưỡng do anh B không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của anh Nguyễn Văn B về việc tranh chấp “Xin thay đổi người nuôi con” với chị Võ Thị Mộng C thuộc trường hợp được quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 và điểm b, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[2] Về nội dung: Anh Nguyễn Văn B và chị Võ Thị Mộng C có 02 con chung Nguyễn Thị Thanh D sinh ngày 24/09/2013 và Nguyễn Thành Q sinh ngày 14/4/2019. Theo Quyết định thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 143/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/09/2019 của Tòa án huyện Z, tỉnh Long An thì 02 con chung giao cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Võ Thị Mộng C cùng hai con chung về nhà mẹ ruột ở tại xã N, huyện A, Tiền Giang. Tuy nhiên qua lời khai của chị C, lời khai của các nhân chứng, lời trình bày của cháu D thì con chung hiện ông X, bà F (cậu mợ 8 chị C) chăm sóc nuôi dưỡng cháu Q, cháu D do bà E là người hàng xóm nuôi dưỡng, nay cháu D tự sinh hoạt hàng ngày, không ai chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặc dù 02 con chung được gia đình chăm

sóc nhưng mẹ ruột là chị C không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, chị C không thường xuyên ở địa phương mà lâu lâu mới về thăm con. Hai con chung B D và Q còn ở độ tuổi rất nhỏ, là giai đoạn rất cần G quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục thường xuyên của cha mẹ để đảm bảo G phát triển đầy đủ và toàn diện về thể chất, tinh thần, sức khỏe, nhân cách của trẻ, do đó cha mẹ nên là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Vì quyền lợi mọi mặt của con chung, căn cứ vào Luật hôn nhân gia đình năm 2014 về quyền và nghĩa vụ trông nom, giáo dục con chung sau khi ly hôn, việc xin thay đổi người nuôi con của anh Nguyễn Văn B là có cơ sở, phù hợp với qui định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với lời trình bày của chị C cho rằng, mặc dù chị không trực tiếp nuôi dưỡng con chung do chị phải đi làm xa nhưng chị vẫn lo đầy đủ, ăn học không thiếu thứ gì, hàng tuần đều về thăm các con, Hội đồng xét xử xét thấy, người trực tiếp nuôi con là chị Võ Thị Mộng C không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, con chung còn nhỏ nên việc quan tâm chăm sóc, giáo dục trong giai đoạn này của người làm cha, làm mẹ là vô cùng quan trọng và cần thiết, do đó cần giao con chung tên Nguyễn Thị Thanh D, sinh ngày 24/9/2013 và Nguyễn Thành Q, sinh ngày 14/4/2019 cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

- Chị Võ Thị Mộng C không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Nguyễn Văn B không có yêu cầu.

[4] Về án phí: Do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn chị Võ Thị Mộng C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Từ những nhận định trên và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu quan điểm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36; điểm b, khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về áp dụng án phí, lệ phí.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn B.

1/ Giao hai con chung Nguyễn Thị Thanh D, sinh ngày 24/9/2013 và Nguyễn Thanh Q, sinh ngày 14/4/2019 cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Chị Võ Thị Mộng C không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Nguyễn Văn B không có yêu cầu.

Vì lợi ích con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến quyền này.

Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

2/ Quyết định này thay đổi cho Quyết định thuận tình ly hôn và G thỏa thuận của các đương G số 143/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/09/2019 của Tòa án huyện Châu Thành, tỉnh Long An về phần con chung.

3/ Về án phí: Chị Võ Thị Mộng C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm

Hoàn lại cho anh B 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0005701 ngày 04/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Tiền Giang.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

-TAND Tỉnh TG;
-VKSNDHCG-TG
-Chi cục THADSHCG;
-Những người tham gia tố tụng;
-Lưu.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh Hồng